TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-PT.
Ngày: 26 - 5 - 2020.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu.

*Các Thẩm phán***:** Ông Nguyễn Trung Hưng

Bà Bùi Kim Rết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 01/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2020/QĐ-PT ngày 30/3/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 64/2020/QĐPT-DS ngày 28/4/2020 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 342/TB.TA ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Mai Thị M1**, sinh năm 1947.

Địa chỉ thường trú: A193, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: F27, khu dân cư T, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư L –thuộc Văn phòng luật sư N – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Bà Mai Thị M2**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: 142C/11, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bà M2 ủy quyền cho ông T – Sinh năm 1973

Địa chỉ: 142C/11, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn

bản ủy quyền ngày 26/9/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư N – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Huy D, sinh năm 1945.

Địa chỉ: A193, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông D ủy quyền cho bà Mai Thị M1 (Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018.

2. Ông Tống Xuân H, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 142C/11, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M1, ông T, luật sư V và Luật sư H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Mai Thị M1 trình bày:

Trước năm 2014, bà Mai Thị M2 có vay tiền của bà nhiều lần. Đến ngày 14/9/2014, thì viết lại giấy vay tiền chốt lại số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng. Thời hạn vay tiền từ ngày 14/9/2014 đến ngày 14/12/2014, không có thỏa thuận tiền lãi, cũng không cầm cố, giấy tờ tài sản gì.

Quá trình trả nợ do bà M2 khó khăn nên bà M2 xin được trả hàng tháng mỗi tháng từ 01 triệu đồng đến 02 triệu đồng. Tổng cộng bà M2 đã trả được 31 triệu đồng, còn nợ lại 69 triệu đồng thì bà M2 không tiếp tục trả nữa, dù bà đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị M2 trả số tiền còn nợ là 69 triệu đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đối với kết luận giám định số 346/KLGĐ ngày 31/8/2018 thì bà đồng ý, không có ý kiến gì.

- Bị đơn bà Mai Thị M2 do ông Tống Xuân T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Mai Thị M1 yêu cầu bà Mai Thị M2 trả số tiền 69.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 14/9/2014 thì bà M2 không đồng ý. Bà M2 không có ký giấy vay tiền này, mắt của bà M2 mờ nên không đọc kỹ, thực tế bà M2 không có vay số tiền 100 triệu đồng. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M1.

Đối với kết luận giám định số 346/KLGĐ ngày 31/8/2018 thì bà M2 không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Tống Xuân H trình bày:

Ông thống nhất như phần trình bày của ông Tống Xuân T. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đào Huy D trình bày:

Số tiền bà M1 cho bà M2 mượn là tiền riêng của cá nhân bà M1, không liên quan đến ông. Việc bà M1 khởi kiện bà M2 ông không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 220, Điều

266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị M1.

Buộc bà Mai Thị M2 phải trả cho bà Mai Thị M1 số tiền là 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng).

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà M2 do bà M2 là người cao tuổi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm chậm thi hành án của các đương sự.

- Ngày 16/9/2019 bà Mai Thị M2 kháng cáo án sơ thẩm xét xử không đúng thực tế khách quan ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: 03 giấy chơi hụi bị đơn cung cấp từ năm 2012 đã giao và nhận giữa bà M1 và bà M2, không có liên quan gì đến khoản nợ vay đang tranh chấp.

Luật sư và ông Tđại diện theo ủy quyền của bà M2 không xác định được số tiền vay, hụi. Việc vay nợ giữa bà M1 và bà M2 có sổ sách đối chiếu, kết nợ, nợ hụi không có liên quan gì đến nợ vay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có cung cấp 03 giấy chơi hụi, thông báo thụ lý vụ án, kết quả giám định, đơn yêu cầu phản tố.

Án sơ thẩm xét xử chưa đảm bảo quyền lợi của bà M2, trong đó nợ hụi cấn trừ nợ vay, không hợp lý khi viết cùng một lúc hai giấy nợ. Tại cấp sơ thẩm bà M2 có trình bày hội là hụi, đơn yêu cầu phản tố không được xem xét đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị hủy án sơ thẩm và nhập vào vụ án tranh chấp nợ hụi tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đang giải quyết.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Mai Thị M2 trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 43.500.000 đồng được chốt nợ từ trước trong đó có số tiền 14.500.000 đồng cấp sơ thẩm chưa đối chất làm rõ, khoản nợ lãi, 04 chân hụi bà M2 đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Biên bản nghị án không đúng quy định tại khoản 2 Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm và nhập vào vụ án nợ hụi để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị M2 kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

Biên bản nghị án không thực hiện đúng mẫu số 51-DS ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Hướng dẫn sử dụng mẫu: (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án,...) nên cần phải rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Bà Mai Thị M1 khởi kiện yêu cầu bà M2 trả số tiền còn lại 69.000.000 đồng theo nội dung giấy mượn tiền ngày 14/9/2014, không trả tiền lãi. Bà Mai Thị M2 không đồng ý trả số tiền 69.000.000 đồng thực tế bà không có vay số tiền 100.000.000 đồng của bà M1.

[2.1] Tại giấy vay tiền ngày 14/9/2014, thể hiện bà Mai Thị M2 có vay của bà M1 số tiền là 100.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 14/9/2014 đến ngày 14/12/2014: "… Cam kết sẽ trả đủ số tiền vay trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm"; Bà Mai Thị M2 và bà Mai Thị M1 đều ký xác nhận vào giấy vay (BL 41).

Quá trình giải quyết vụ án, bà M2 cho rằng chữ ký trong giấy vay tiền không phải chữ ký của bà, Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký theo yêu cầu của bà M2. Tại bản kết luận giám định số 346/KLGĐ ngày 31/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: "Chữ ký mang tên Mai Thị M2 tại phần mục người vay trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC54 đóng dấu ký hiệu A) với chữ ký mang tên Mai Thị M2 tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được Phòng PC54 đóng dấu ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký ra".

[2.2] Sau khi có kết luận giám định, bà M2 lại cho rằng vì mắt bà kém, không đọc kỹ nên mới ký tên, thực tế không có vay mượn. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác định do bà M2 tin tưởng bà M1, nên bà M2 mới ký vào giấy vay tiền và sổ sách của bà M1

[2.3] Bà M1 và bà M2 đều xác định khoản vay 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/9/2014 không phải là khoản tiền 100.000.000 đồng bà M1 và bà M2 giao nhận trực tiếp ngày 14/9/2019, mà là khoản tiền các bên tính toán và chốt lại với nhau các khoản nợ trước đây, cụ thể:

Ngày 23/7/2009 thì bà M2 và bà M1 xác nhận khoản tiền bà M2 nợ bà M1 là 43.500.000 đồng, tài liệu do bà M2 cung cấp cũng thể hiện việc chốt lại khoản nợ 43.500.000 đồng (BL 93, 118, 125, 129). Việc xác nhận số nợ 43.500.000 đồng này phù hợp với chứng cứ tài liệu do bà M1 cung cấp.

Sau đó giữa bà M1 và bà M2 còn nhiều lần vay mượn thêm, đến ngày

05/12/2013 giữa bà M1 và bà M2 có ký vào sổ của bà M2 (quyển số 3, mặt sau trang 1 do chính bà M2 cung cấp), với nội dung: "Sang sổ mới số nợ của chị M2 số tiền 123.960.000 đồng. Mọi sổ sách trước đây không còn giá trị nữa. Kể từ tháng 01/2014 chị M2 trả hàng tháng vào ngày lĩnh lương. Hai bên thống nhất ký tên dưới đây". Bà M1 và bà M2 có ký xác nhận vào sổ của bà M2 (BL 105).

[2.4] Từ tháng 01/2014 đến hết tháng 08/2014 bà M2 đã trả cho bà M1 mỗi tháng 3.000.000đ, tổng cộng là 24.000.000 đồng. Sau đó giữa bà M1 và bà M2 viết lại giấy vay tiền ngày 14/9/2014 với số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Số tiền nợ trong giấy vay tiền phù hợp với số tiền các bên đã tính toán và chốt lại theo sổ sách do bà M1 cung cấp cho Tòa án, có chữ ký xác nhận của bà M2 (mặt sau BL 51).

Từ ngày 07/10/2014 bà M2 bắt đầu trả, cụ thể như sau:

Từ tháng 10/2014 đến tháng 5/2015 mỗi tháng bà M2 trả 2.000.000 đồng: tổng cộng 16.000.000 đồng.

Từ tháng 6/2015 đến tháng 11/2016 mỗi tháng bà M2 trả 1.000.000 đồng, trừ tháng 10/2015, tháng 12/2015, tháng 01/2016 không có trả: tổng cộng 15.000.000 đồng.

Bà M2 đã trả cho bà M1 tổng cộng từ tháng 10/2014 đến tháng 11/2016: tổng số tiền 31.000.000 đồng.

Bà M1 và bà M2 đều thống nhất về số tiền trên, phù hợp với sổ sách do bà M1 và bà M2 cung cấp, có chữ ký xác nhận của bà M1 trong sổ bà M2 và chữ ký của bà M2 trong sổ bà M1.

[2.5] Đối với trình bày của bà M2 đối với số tiền 43.500.000 đồng tiền gốc từ năm 2009 bà M2 không biết từ đâu ra nhưng chứng cứ do chính bà cung cấp thể hiện số tiền 43.500.000 đồng bà M2 đã ký xác nhận còn nợ bà M1 (BL 93, 118, 125, 129) phù hợp với chứng cứ do bà M1 cung cấp (BL 60, 61). Tại bản tự khai ngày 04/10/2018 do ông Thanh đại diện theo ủy quyền của bà M2 cũng trình bày có nợ số tiền 43.500.000 đồng, sau đó cộng tiền lãi tiền vay thêm nhiều lần…(BL 82 - 84).

[3] Tại cấp phúc thẩm bà M2 có đơn trình bày và cung cấp tài liệu có chơi hụi (03 bản photo) nhưng không được án sơ thẩm xem xét, bà đã có đơn khởi kiện, đã được thụ lý và có kết quả giám định; Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà M2 ông Tống Xuân T cung cấp các tài liệu là các giấy chơi hụi, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về "Tranh chấp góp hụi", kết luận giám định, đơn yêu cầu phản tố... Tại các biên bản làm việc của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai với đại diện theo ủy quyền của bà M2 là ông Tống Xuân T, ông Tcho rằng không có việc vay nợ, bà M1 trình bày các khoản nợ vay không có liên quan đến tranh chấp nợ hụi mà bà M2 đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3.1] Kết luận giám định, lời khai của bà Mai Thị M1, bà Mai Thị M2, ông Tống Xuân T đại diện theo ủy quyền của bà M2 và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ có đủ căn cứ để xác định có việc cho vay tiền giữa bà M1 và bà M2, hiện bà

M2 còn nợ bà M1 số tiền 69.000.000 đồng. Kháng cáo của bà M2 không có cơ sở nên không có căn cứ để xem xét, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bà Mai Thị M2 không được chấp nhận, nhưng bà M2 là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà M2.

[5] Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị M2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị M1.

Buộc bà Mai Thị M2 phải trả cho bà Mai Thị M1 số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà Mai Thị M2 do bà M2 là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Long Châu